

Tập 65

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản trang tám mươi tám:

(Huyền Nghĩa) Bát, đích chỉ tức hữu niệm tâm đắc nhập vô niệm giả.

(玄義) 八、的指即有念心得入無念者。

(Huyền Nghĩa: Tám là chỉ bày đích xác: Dùng ngay cái tâm hữu niệm để nhập vô niệm).

Đây là nói về nhân duyên thứ tám vì sao [đức Phật] giảng bộ kinh này. Cảnh giới cao nhất trong Phật pháp là vô niệm. Kinh Phật thường gọi “vô niệm” là “chánh niệm”. Vô niệm là không có niệm gì? Không có tà niệm! Không có tà niệm bèn gọi là “chánh niệm”. Tà và chánh khác nhau ở chỗ nào? Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này! Lục Tổ nói rất hay: “*Bổn lai vô nhất vật*” (vốn chẳng có một vật); vốn chẳng có một vật nào chính là vô niệm. Đủ thấy chỉ cần dấy lên một niệm, một niệm ấy sẽ là vô minh. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Vô minh do đâu mà có? Vì sao có vô minh?” Đây là một câu hỏi lớn. Đức Phật chỉ nói bốn chữ đã giải thích rõ ràng vấn đề này. Đức Phật nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn*” (trên tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó là cái gốc của vô minh). [*Tri kiến lập tri*] là] cội gốc của vô minh. Vô minh là từ trên tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, kinh Pháp Hoa gọi “tri kiến” là “*Phật chi tri kiến*”. Mỗi người chúng ta đều là Phật, trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật đã nói rất rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Đã vốn sẵn thành Phật thì có tri kiến của người nào chẳng phải là Phật tri Phật kiến? Từ trong tri kiến lại lập ra một cái tri kiến nữa, đó chính là vô minh. Vô minh do nhân tố này mà có!

Ý nghĩa này chẳng dễ gì thấu hiểu, chúng tôi nêu một thí dụ. Tôi lắc tay một cái, quý vị đều thấy rất rõ ràng, đó là tri kiến của Phật. Nếu quý vị phân biệt: Cái thẻ kẹp sách trong tay pháp sư bị lay động, đó là “*tri kiến lập tri*”, đây là gốc vô minh. Đủ thấy khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nếm rõ ràng, thứ gì cũng đều rõ ràng, trong ấy không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, khi ấy chính là Phật tri Phật kiến, chẳng khác gì tri kiến của Như Lai. Phạm phu luôn cậy mình thông minh, khẳng khái thêm vào những danh tướng ấy khá nhiều danh từ. Lão Tử đã hiểu

“*danh khả danh, phi thường danh*”, danh từ ấy là giả. Con người hiện tại coi giả danh là thật, quên khuấy chân tướng sự thật; đó là vô minh. Hễ có vô minh, sẽ sanh ra vô lượng vô biên phiền não.

Chỗ khác nhau giữa Phật và chúng sanh là Phật không có vô minh, phàm phu có vô minh. Chúng ta trừ khử vô minh bằng cách nào? Vô minh không còn, chúng ta sẽ thành Phật. Vô minh hoàn toàn chẳng còn thì là Phật. Phá được mấy phần, còn chưa thể phá hết sạch thì gọi là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này. Chúng ta dấy lên vô minh, chẳng phải là bây giờ mới dấy lên, chẳng phải là đời này mới dấy lên, mà là đã nhiều đời nhiều kiếp bị vô minh che lấp chân tánh. Vì thế, sanh tử, tử sanh, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo chẳng thể thoát lia. Nay nói đến vô minh đâm ra dễ hiểu hơn đối với chúng ta; nói tới vô niệm, nói tới bản tánh, hóa ra chúng ta chẳng hiểu! Học Phật nhằm khôi phục bản tánh, tức là khôi phục vô niệm. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có một pháp môn nào ra ngoài lệ này, hoàn toàn là tu điều này!

Nay chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, niệm Phật là cái tâm hữu niệm. Chúng ta có cái tâm niệm Phật, dùng phương pháp này, dùng cái tâm hữu niệm để chúng nhập chân tánh vô niệm. Vô niệm là Chân Như bản tánh. Nhân duyên thứ tám nhằm thảo luận chuyện này. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết niệm Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Thiên Tông tham Thiên có thể minh tâm kiến tánh, Mật Tông trì chú có thể “tức thân thành Phật”; vô niệm là minh tâm kiến tánh, vô niệm là tức thân thành Phật. Nay chúng ta chẳng cần phải tham cứu, cũng chẳng cần trì chú, mà minh tâm kiến tánh, tức thân thành Phật, dùng phương pháp gì vậy? Dùng phương pháp hữu niệm tâm. Chúng ta lại xem lời khai thị tiếp theo của đại sư.

(Huyền Nghĩa) Tâm bản vô niệm.

(玄義) 心本無念。

(Huyền Nghĩa: Tâm vốn vô niệm).

Tâm này là chân tâm, chân tâm vốn “*vô niệm*”, Lục Tổ bảo là “*vốn chẳng có một vật*”. Chỉ cần quý vị hữu niệm đều gọi là vọng niệm. Vì sao đều gọi là vọng niệm? Vì trong chân tâm không có niệm, cho nên hữu niệm đều là vọng! Lại thưa cùng quý vị, hữu niệm là có phiền não, hữu niệm là có chướng ngại. Trong kinh Hoa Nghiêm nói tới Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì sao đối với Ngài hết thảy đều

không có chướng ngại? Vì Ngài vô niệm, vô niệm thì chân tánh hoàn toàn hiển lộ; bởi lẽ, trong chân tâm vốn chẳng có vọng niệm.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói rất rõ ràng: “*Bổn Giác vốn có, Bất Giác vốn không*”. Bổn Giác là vô niệm, vô niệm mới giác. Hữu niệm là Bất Giác, Bất Giác là vô minh. Trên thực tế, hai câu nói ấy của Mã Minh Bồ Tát hoàn toàn có cùng một ý nghĩa với câu “*tri kiến lập tri*” của kinh Lăng Nghiêm; đó là hai cách diễn tả [khác nhau] của cùng một chuyện. Nói như vậy thì chúng ta khởi tâm động niệm để niệm A Di Đà Phật có phải cũng là vọng niệm hay chẳng? Trong Chân Như bản tánh tuyệt đối không có một vị A Di Đà Phật! Nếu có A Di Đà Phật, lời của Lục Tổ đại sư đã nói sẽ chẳng thông! [Tổ nói] “*vốn chẳng có một vật*”, ai nói không có vật gì? Có A Di Đà Phật mà! Vì vậy, phải hiểu: Trong Chân Như bản tánh, A Di Đà Phật cũng chẳng có!

(Huyền Nghĩa) Niệm khởi tức quai.

(玄義) 念起即乖。

(Huyền Nghĩa: Niệm dấy lên bèn trật).

“*Quai*” (乖) là trái nghịch, trái nghịch chân tánh, cũng có nghĩa là trong chân tánh của quý vị dấy lên vô minh, chỉ cần hữu niệm thì vô minh bèn dấy lên.

(Huyền Nghĩa) Nhi chúng sanh vô thủy dĩ lai, vọng tưởng quán tập, vị dị tốt khiến.

(玄義) 而眾生無始以來，妄想慣習，未易卒遣。

(Huyền Nghĩa: Nhưng chúng sanh từ vô thủy đến nay đã quen thói vọng tưởng, chưa dễ gì trừ sạch).

Từ vô thủy kiếp đến nay quý vị mê muội, khởi vọng niệm, đời đời kiếp kiếp chẳng có cách nào khôi phục. Vọng niệm biến thành thói quen, quý vị muốn chẳng khởi vọng niệm cũng không được. Suốt ngày từ sáng đến tối vọng niệm chưa hề gián đoạn, ngay cả ngủ mê cũng chẳng thật thà, vẫn còn nằm mộng. Nằm mộng là dấy vọng niệm; chẳng dấy vọng niệm sẽ không nằm mộng. Vì thế, vọng niệm rất khó thể trừ. “*Khiển*” (遣) là gạt bỏ.

(Huyền Nghĩa) Kim giáo niệm Phật.

(玄義) 今教念佛。

(Huyền Nghĩa: Nay dạy [hành nhân] niệm Phật).

“Giáo” là dạy bảo. Dạy bảo quý vị phương pháp niệm Phật, phương pháp ấy chính là gì vậy?

(Huyền Nghĩa) Thị nãi dĩ độc công độc.

(玄義) 是乃以毒攻毒。

(Huyền Nghĩa: Là dùng độc trị độc).

Dùng phương pháp như thế đó.

(Huyền Nghĩa) Dụng binh chỉ binh.

(玄義) 用兵止兵。

(Huyền Nghĩa: Dùng quân dẹp quân).

Đây là tỷ dụ, vọng niệm tôn hại Pháp Thân và huệ mạng của chúng ta, đó là chất độc. Bản thân chúng ta phải hiểu: Suốt ngày từ sáng đến tối có vọng tưởng nhiều ngàn ấy, tồn tại vọng niệm nhiều ngàn ấy. Chính mình biết đó là bệnh, bệnh rất nặng! Niệm Phật là dùng một niệm để ngăn dứt hết thấy vọng niệm, đó gọi là “dùng độc trị độc”. Một câu A Di Đà Phật này cũng là chất độc, cũng là vọng niệm mà! Nếu suốt ngày từ sáng đến tối chỉ khởi lên một vọng niệm thôi, khá lắm! Chẳng đến nỗi dấy lên rất nhiều vọng niệm; vì thế, trừ được tất cả các vọng niệm, chỉ giữ lại một vọng niệm này. Dùng một niệm để dứt hết thấy vọng niệm; lý luận của niệm Phật là như vậy. Nếu chẳng dùng phương pháp này, quý vị hãy nghĩ xem còn có phương pháp tốt đẹp nào khác để đoạn trừ vọng niệm hay chẳng? Phương pháp thì có, thường gọi là “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, có thể có tới tám vạn bốn ngàn thứ, có vô lượng vô biên thứ, nhưng trong vô lượng vô biên phương pháp ấy, nói tới phương pháp hiệu quả nhất, dễ dàng đoạn vọng niệm nhất, không chi hơn niệm Phật!

Niệm Phật thì quý vị phải biết niệm, chưa thể dứt vọng niệm tức là quý vị chưa biết niệm. Người biết niệm thì Phật hiệu có thể ngăn dứt vọng niệm. Chỉ cần quý vị có thể ngăn dứt vọng niệm, công phu sẽ đắc lực, nắm chắc vãng sanh. Nếu Phật hiệu chẳng thể ngăn dứt vọng niệm, dầu mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cô nhân bảo “*rách toạc cuống họng cũng uống công*”, quý vị vẫn sanh tử luân hồi trong lục đạo! Chúng ta thật sự tu pháp môn Niệm Phật, thật sự muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc

thế giới chẳng thể không biết điều này! Như thế nào mới là biết niệm? Bất luận ý niệm nào, thiện niệm cũng vậy, mà vọng niệm cũng thế, ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, dùng Phật hiệu để thay thế. Nói cách khác, chẳng dấy niệm thì thôi; hễ dấy niệm bèn A Di Đà Phật, đó là biết niệm! Chẳng biết niệm thì khóa tụng sáng tối niệm mấy câu A Di Đà Phật, trừ những lúc ấy ra, toàn là khởi vọng tưởng, tạo thi phi, nhân ngã, vậy là không được rồi! Đó gọi là “*công phu chẳng đắc lực*”. Khi niệm Phật khởi vọng tưởng, lúc nghe kinh cũng khởi vọng tưởng, tu hành như thế thì tu suốt đời cũng chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo luân hồi, đó là sự thật!

Mỗi vị đồng tu trong đạo tràng này, quý vị học Phật tuyệt đối chẳng phải là mới bắt đầu từ hôm nay trở đi, tuyệt đối chẳng phải là bắt đầu từ một đời này. Nếu đời này quý vị mới nghe Phật pháp, sẽ chẳng thể ngồi ở đây một tiếng rưỡi được! Quý vị có thể nghe kinh Di Đà ở nơi đây, đúng như kinh Kim Cang đã nói: Trong đời quá khứ, quý vị tuyệt đối chẳng phải đã gieo thiện căn nơi ba, bốn, năm đức Phật, mà là trong đời quá khứ, quý vị thân cận Phật, Bồ Tát, nghe pháp tu hành đã nhiều đời nhiều kiếp. Do vậy, quý vị mới có nhân duyên gặp được bộ kinh này. Quý vị ngồi nghe ở đây, nghe rồi trong tâm sanh hoan hỷ, chẳng phải là chuyện dễ. Đã là đời đời kiếp kiếp đều nghe pháp, nghe kinh, tu hành, vì sao chẳng thành tựu? Vì công phu của quý vị chưa có cách gì đè nén phiền não. Nếu trong đời quá khứ, công phu niệm Phật của quý vị thật sự đè nén phiền não, quý vị đã sớm về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, chẳng còn đến nơi này nữa! Trong đời quá khứ, chúng ta đã coi thường, dụng công chẳng đúng pháp, một câu Phật hiệu chẳng niệm cẩn thận. Nay lại gặp gỡ, đã gặp thì phải giác ngộ, nhất định phải niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu này!

Cái tâm hữu niệm là một câu A Di Đà Phật, nhớ Phật, niệm Phật, tâm ta tưởng Phật, miệng ta niệm Phật. “*Vô niệm*” là không có hết thấy tạp niệm, không có hết thấy vọng niệm, như vậy thì mới thành công. Mức độ thấp nhất là quý vị có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, là công phu thành phiền, không có tạp niệm. Phật hiệu quả thật có thể đè nén và khuất phục vọng tưởng và tạp niệm, đương nhiên công phu càng giỏi hơn nữa là khi chẳng còn vọng niệm, đoạn rồi! Chẳng còn vọng tưởng, đoạn hết rồi thì gọi là nhất tâm bất loạn. Nhà Thiền gọi nhất tâm bất loạn là Thiền Định, Mật Tông gọi là “*tương ứng*”; vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà thuộc địa vị cao hơn, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Những điều này đều do bản thân chúng ta dụng công trong lúc bình thường.

Nhất định phải hiểu lý luận, phải hiểu phương pháp. Vận dụng phương pháp này trong cuộc sống thường nhật của chúng ta để cuộc sống thường nhật của chúng ta sẽ là Sự Sự vô ngại giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, tức là bảo quý vị trong cuộc sống đừng quên một câu A Di Đà Phật. Có người hỏi: “Tôi niệm A Di Đà Phật trong phòng vệ sinh có được hay chẳng? Có thể niệm trong bồn tắm hay không? Có thể niệm trong khi ngủ nghỉ hay chẳng?” Có người nói chớ nên niệm ở những chỗ ấy, chớ nên niệm thì chẳng phải là gián đoạn ư? Chẳng phải là có trở ngại ư? Quý vị phải hiểu: Phật hiệu quyết định chớ gián đoạn, hễ gián đoạn sẽ khởi vọng tưởng. Ở những nơi như vậy, chúng ta thường nói tới cái tâm cung kính. Tâm cung kính là chúng ta niệm trong tâm, miệng đừng niệm ra tiếng, hãy niệm thầm. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao có nói: Trong tình huống hết sức đặc biệt phải niệm lớn tiếng, khi có người bệnh khổ, nhất là phụ nữ trong khi sanh nở, phải niệm lớn tiếng, niệm to giọng. Ngài nói: Niệm lớn tiếng, niệm to giọng, chẳng những sanh nở không đau đớn, mà còn sanh rất nhanh, mẹ và con đều bình an. Nói như vậy rất hợp lý, Phật pháp rất hợp tình người. Có những kẻ chẳng hiểu, bảo ở nơi này chẳng được, nơi nọ cũng không nên, hễ chẳng nên sẽ khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng bèn tạo tội nghiệp. Phật đại từ đại bi, lẽ nào khiến quý vị tạo nhiều tội nghiệp? Chẳng có lẽ ấy! Vì thế, phải biết: Một câu Phật hiệu này có thể giữ càng lâu càng hay, một ngày hai mươi bốn giờ đồng hồ đừng để nó gián đoạn. Khi ngủ say, quên phút thì không có cách gì; hễ tỉnh giấc, ngay lập tức tiếp tục niệm.

(Huyền Nghĩa) Bệnh dữ khâu bình, tắc xả bệnh thể cánh vô tự thân, tức khâu đạo nguyên ngô xích tử.

(玄義)病愈寇平，則捨病體更無自身，即寇盜原吾赤子。

(Huyền Nghĩa: “Bệnh lành, giặc yên”: Bỏ cái thân bệnh sẽ trọn chẳng có tự thân, giặc cướp vốn là con thơ của ta).

“Bệnh dữ, khâu bình” tỷ dụ vọng tưởng chẳng còn nữa. Quý vị sử dụng phương pháp này thuần thực, tự nhiên vọng niệm chẳng còn nữa. Khi vọng tưởng chẳng còn nữa, quý vị mới hoảng nhiên đại ngộ, vọng vốn là chân! Cớ sao vọng là chân? Vọng tưởng vẫn do chân tánh khởi dụng, [tức là] chân tánh phát sanh tác dụng, nhưng là chân tánh khởi tác dụng khi mê. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, nếu chúng ta hỏi các Ngài, các Ngài có khởi niệm hay chẳng? Nếu các Ngài chẳng

khởi niệm, làm sao có thể nói ra đạo lý nhiều đường ấy? Nói ra phương pháp nhiều đường ấy? Các Ngài có khởi niệm hay chẳng? Thưa quý vị, các Ngài chẳng khởi niệm. Chẳng khởi niệm thì vì sao có thể nói pháp nhiều ngàn ấy? Quý vị hãy tự mình suy nghĩ: Khi quý vị từ sáng đến tối nói chuyện, trong tâm có phải suy nghĩ trước, ta nên nói câu này như thế nào, phải soạn nháp trước, có hay không? Có ai khi nói, vừa mở miệng thì phải chuẩn bị soạn nháp sẵn: Câu đầu tiên ta nói như thế nào? Chữ thứ hai dùng như thế nào? Có hay không?

Trong cuộc sống thường nhật, khi nói năng, chúng ta đều chẳng cần phải soạn nháp. Đức Phật nói năng chẳng khởi niệm. Chẳng khởi niệm thì làm sao Ngài nói ra? Nói thật ra, đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói. Chẳng những là không có pháp nhất định để nói, mà quả thật đức Phật chẳng có pháp nào để nói. Ngài nói như thế nào? Thấy chúng sanh mê, Ngài bèn nói giác. Giác nhằm đối trị mê, mê là bệnh, giác là thuốc. Quý vị tham, đức Phật bèn nói vô tham. Quý vị nóng giận, đức Phật nói pháp không nóng giận. Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói đều nhằm hoàn toàn đối lập, tương phản với tập khí phiền não vô minh của chúng sanh, đưa ra những cách nhằm đối trị tập khí phiền não vô minh của quý vị mà thôi! Bản thân đức Phật chuyện gì cũng chẳng có; do vậy, đức Phật thuyết pháp là vì chúng sanh mà thuyết. Rời khỏi chúng sanh, tâm Phật thanh tịnh, một câu pháp cũng chẳng có. Nếu chúng sanh đã lành bệnh, đức Phật cũng chẳng có một câu pháp nào! Vì thế, trong tâm đức Phật không có pháp, chẳng lập một pháp nào!

Đức Phật cũng chưa từng nói một câu pháp; trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất rõ ràng chuyện này. Giống như một thầy lang, trong tâm thầy lang không có toa thuốc. Nếu trong tâm ông ta có toa thuốc [cố định], nhất định sẽ hại chết cả đồng người! Vì sao? Trong tâm ông ta có toa thuốc, bất luận người khác bị bệnh gì, [ông ta cứ khăng khăng]: “Ông phải uống loại thuốc này mới được”. Nếu quý vị rất may mắn, bệnh của quý vị khớp với toa thuốc ấy, [uống vô không sao]. Nếu quý vị uống vô bị chết thì nói cách khác là quý vị chẳng mắc bệnh khớp với toa thuốc! Ông ta chẳng chịu trách nhiệm! Trong tâm thầy lang không có toa thuốc, khi chẩn đoán sẽ xét xem quý vị bị bệnh gì, cắt cho quý vị những loại thuốc nào, châm chước phân lượng, mỗi người khác nhau!

Đức Phật thuyết pháp nhằm trị bệnh cho chúng ta. Vì thế, thuở đức Phật tại thế, chỉ cần có người đến gặp Phật, hướng về đức Phật nói ra nỗi đau khổ, sự phiền não, mê hoặc của chính mình, đức Phật ngay lập tức khai thị, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, khai ngộ, chứng quả. Quý vị thấy

trong kinh thường có chuyện như vậy. Nay chúng ta rất bất hạnh, đức Phật chẳng trụ thế, chúng ta muốn học Phật hết sức khó khăn, giống như thân chúng ta đang bệnh mà chẳng có thầy thuốc. Tuy thầy thuốc chẳng hiện diện, trước kia, Ngài đã kê cả đồng toa thuốc cho người khác, tức là kinh điển Tam Tạng gồm mười hai thể loại. Nay chúng ta lấy toa thuốc để trị bệnh của chính mình, quý vị nghĩ xem toa thuốc nào đúng với chứng bệnh của chúng ta? Do vậy, chiếu theo kinh điển nào để tu hành cũng đều chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì những toa thuốc ấy chẳng phải kê cho chúng ta, thủa ấy, đức Phật kê toa cho người khác. Nay chúng ta mắc bệnh khác hẳn họ, mức độ nặng nhẹ cũng chẳng như nhau. Trong quá khứ người ta uống một tiền¹ thuốc là khỏi bệnh rồi, hiện thời ta uống tới một cân vẫn chưa lành bệnh. Vì sao? Quá nặng! Nếu hiểu đạo lý này thì chính quý vị mới chẳng mê tín!

Nhưng đức Phật cũng hết sức từ bi, biết trong tương lai khi Ngài chẳng trụ thế, có thời kỳ Tượng Pháp, lại còn có thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh hết sức đáng thương, tập khí phiền não hết sức nặng nề, nên đặc biệt lưu lại một toa thuốc cho người đời sau, dành cho người trong thời Mạt Pháp, toa thuốc ấy chính là kinh A Di Đà, là pháp môn Niệm Phật. Rất đáng tiếc, những chúng sanh học Phật trong thời kỳ Mạt Pháp cứ khăng khăng coi thường, chẳng tôn trọng pháp môn này, chẳng chịu sử dụng, chớ trách đức Phật chẳng từ bi, hãy trách chính mình ngu si chẳng chịu nghe lời. Đức Phật đã thọ ký phổ biến cho hết thầy đại chúng trong đời vị lai: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu*”, chiếu theo giới luật tu hành, có thể chứng quả A La Hán. “*Thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu*”, chiếu theo giới luật tu hành chẳng thể chứng quả A La Hán. “*Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”, tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói cách khác, Thiên cũng chẳng thể thành tựu. Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tham Thiên có thể đắc Thiên Định, nhưng chưa thể kiến tánh. Đắc Thiên Định, trong tương lai, công phu cao nhất cũng chẳng qua là sanh vào Tứ Thiên Thiên mà thôi, chẳng thể vượt thoát tam giới, chẳng thể liễu sanh thoát tử! Chúng ta suy nghĩ kỹ càng những lời ấy sẽ thấy hoàn toàn chính xác, chẳng sai tí nào!

Niệm Phật thành tựu, niệm Phật có phải là minh tâm kiến tánh hay không? Chưa phải! Chưa phải thì làm sao có thể coi là thành tựu? Người

¹ Tiền ở đây là đơn vị đo trọng lượng. Một Tiền là mười Phân. Một Cân bằng mười Lạng, một Lạng gồm mười Tiền. Ở Hoa Lục, một Tiền là 5 gram, nên một Cân tại Hoa Lục là 500 gram, trong khi đó, tại Hương Cảng và Đài Loan, một Tiền chỉ bằng 3,78 gram. Các hiệu thuốc Đông Y phần nhiều sử dụng đơn vị Tiền theo kiểu Hương Cảng.

ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng ở trong thế giới Sa Bà nữa, đã thoát ra rồi, giống như nay chúng ta nói “đã di dân” vậy. Thân phận gì? Vẫn là thân phận trời người, trọn chẳng phải là chúng A La Hán, cũng chẳng phải là chúng Bích Chi Phật, cũng chẳng phải là Bồ Tát, mà là thân phận con người! Thân phận trời người, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là người. Trong kinh nói rất rõ ràng: Thế giới Tây Phương không có ba ác đạo, đương nhiên chỉ có hai nẻo trời người. Vì thế, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là người. Nếu cao hơn một bậc so với người thì là trời, mang thân phận trời hay người từ thế giới Sa Bà di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện là như vậy đó. Phương pháp này quả thật quá xảo diệu! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Mâu nhiệm chẳng thể diễn tả được!

Tuần sau, chúng ta tổ chức đại chuyên giảng tòa ở nơi đây, trong vòng bảy ngày chúng tôi sẽ giới thiệu kinh Di Đà với các đồng học. Phải thảo luận cặn kẽ chuyện to lớn này, nếu quý vị thật sự hiểu rõ thì đối với pháp môn này, sẽ chết sạch lòng mong ngóng, khăng khăng tu học, chắc chắn quý vị sẽ thành công trong một đời này. Phải hiểu rõ lý luận và phương pháp thì tín tâm của quý vị mới đầy đủ. Quý vị chẳng hoài nghi, công phu đừng nên gián đoạn, quyết định thành tựu. Trong tương lai, nếu có phước báo, chúng tôi tạo dựng đạo tràng tu hành này giống như một giảng đường nhằm tiếp dẫn, kiến lập tín tâm cho quý vị, khuyên quý vị phát nguyện. Thật sự tu hành thì phải là Niệm Phật Đường. Bước vào Niệm Phật Đường, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, giống như lần này chúng tôi giảng về Tinh Tấn Phật Thất. Trong Tinh Tấn Phật Thất chỉ có một câu danh hiệu, “A Di Đà Phật”.

Trong mười hai thời là một câu Phật hiệu. Trừ một câu Phật hiệu ra, thứ gì cũng chẳng có, chẳng có tạp niệm! Niệm một câu “*A Di Đà Phật thân kim sắc*” vẫn là vọng niệm, có thêm một vọng niệm. Vì thế, Tinh Tấn Phật Thất, “*ting*” là thuần chứ không tạp, ngay cả Nam-mô cũng chẳng cần. Nam-mô là có xen tạp trong ấy, đây là một câu A Di Đà Phật. Kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, danh hiệu là bốn chữ. Trong mười hai thời [chấp trì danh hiệu] chẳng gián đoạn. Xưa kia, khi Ấn Quang đại sư ở chùa Báo Quốc núi Linh Nham, Niệm Phật Đường của Ngài là như vậy, trong mười hai thời, tức là một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Ban đêm thì làm như thế nào? Ban đêm mọi người luân phiên niệm, trong Niệm Phật Đường nhất định có người niệm Phật.

Bốn người một ban luân phiên niệm, ngày đêm chẳng gián đoạn, suốt cả năm chẳng gián đoạn, cũng chẳng nghỉ phép, đó gọi là đạo tràng tu hành.

Đạo tràng ấy chẳng giảng kinh, giảng kinh là xen tạp. Đạo tràng ấy chẳng thể giảng kinh, cũng chẳng thể giảng khai thị. Giảng khai thị cũng là xen tạp, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Nếu có đạo tràng như thế, chẳng biết sẽ giúp cho bao nhiêu người thành Phật, công đức vô lượng vô biên. Hiện thời vì sao không có đạo tràng như vậy xuất hiện, quý vị có biết vì sao hay chẳng? Nếu có một đạo tràng như thế, chẳng ai đến cả! Đương nhiên đạo tràng ấy chẳng thể xuất hiện, không có ai đến mà! Quý vị đến ở trong đó ba ngày sẽ mệt mỏi khôn kham, nơi này không được rồi, nơi này suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, tôi chịu không nổi! Quý vị chẳng đến đó. Người tu hành như vậy, thưa quý vị, chẳng phải là đạo tràng pháp hội thông thường, chẳng phải là đạo tràng cần rất nhiều tín đồ tìm đến, không có!

Quý vị thấy Sơ Tổ Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư đời Tấn, Ngài là người kiến lập liên xã đầu tiên tại Trung Quốc, tức Đông Lâm Liên Xã. Mọi người ở cùng một chỗ niệm Phật cộng tu, bao nhiêu người? Một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều vãng sanh. Đạo tràng nhỏ nhoi, mười mấy người, bảy tám người, có cùng chí hướng cộng tu đều vãng sanh. Chúng ta đọc Tây Phương Xác Chỉ, thấy những người được Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát một phen khai thị chỉ có tất cả mười hai người, mười hai người ai nấy đều vãng sanh. Đạo tràng tu hành chân chánh nhất định chẳng phan duyên, nếu chẳng phải là người chí đồng đạo hợp, chớ nên cho họ gia nhập, vì sao? Họ đến gây rối, nhiều loạn mọi người, đến phá hoại đạo tràng. Vì thế, nhất định chẳng chấp thuận họ.

Nay chúng ta muốn cầu được pháp duyên thù thắng như Viễn Công đại sư chẳng dễ dàng. Tìm hơn một trăm người chẳng dễ! Có thể tìm được mười mấy, hai mươi người đã tuyệt lắm rồi! Mười mấy, hai mươi người thật sự phát nguyện, lấy cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ làm mục đích, có được mấy vị hộ pháp, chẳng phải lo gì về lương thực, chi dụng. Thưa quý vị, trong đạo tràng giống như vậy, niệm Phật ba năm là xong rồi, quyết định vãng sanh, đầy đủ điều kiện vãng sanh Tịnh Độ. Đại sự này là chuyện thù thắng nhất trong Phật môn, phải đợi các đồng tu chúng ta phát tâm cùng nhau nỗ lực. Nhân duyên ấy chẳng phải là nhân duyên thông thường, mà là nhân duyên thù thắng khôn sánh. Chỉ cần chúng ta có nguyện ấy, tôi tin tưởng đạo tràng ấy sớm muộn gì cũng sẽ xuất hiện.

Câu cuối cùng mang ý nghĩa “chân - vọng bất nhị, tánh - tướng nhất như”. Chúng ta đọc lời chú giải.

(Sớ) Khởi Tín Luận vân: “Tâm thể ly niệm”.

(疏) 起信論云：心體離念。

(Sớ: Khởi Tín Luận viết: “Tâm thể ly niệm”).

“Tâm” là nói đến chân tánh. “Thể” là bản thể. Chân tâm là bản thể của hết thảy vạn pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Bản thể của tâm đích xác là chẳng có niệm.

(Sớ) Nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản nhiễu kỳ tâm?

(疏) 而起念念佛，豈不反擾其心。

(Sớ: Nhưng dấy lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là ngược ngạo nhiễu loạn cái tâm ư?)

Đây là một đoạn vấn đáp giả định. Nay chúng ta khởi tâm động niệm muốn niệm A Di Đà Phật, nhưng tâm thể chẳng có niệm; thật ra, đối với câu nói này, chúng ta phải suy nghĩ, câu trả lời ở ngay chỗ này. Nếu tâm chúng ta không có niệm, chúng ta cần gì phải niệm A Di Đà Phật? Niệm A Di Đà Phật có phải là tăng thêm vọng niệm hay chẳng? Hiện thời, vì trong tâm chúng ta vọng niệm không ngừng, nên mới phải niệm A Di Đà Phật. Nếu thật sự vô niệm thì niệm Phật hiệu để làm gì? Do vậy, phải hiểu đạo lý này! “*Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Đây là nói về tu nhân, trong tương lai khi chúng quả sẽ là “*sinh mà vô sanh, vô sanh mà sanh*”. Chúng ta hãy tìm cơ hội để nghiên cứu thảo luận kỹ lưỡng bộ sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng hoài nghi Tây Phương thế giới, thật sự hiểu rõ, thấu triệt, biết vãng sanh là chuyện như thế nào, hiểu rõ ràng, rành rẽ. Lần này tôi mang từ Hương Cảng về một cuốn chú giải tác phẩm Sanh Vô Sanh Luận, chú giải hết sức hay do cư sĩ Quý Thánh Nhất viết vào đầu thời Dân Quốc. Đây là một vị đại đức rất lỗi lạc vào đầu thời Dân Quốc. Tác phẩm của ông ta nội dung rất sâu, nhưng ngôn từ dễ hiểu, đơn giản hơn cổ nhân, viết rất cặn kẽ. Khi có cơ duyên, chúng ta có thể cùng nhau nghiên cứu, thảo luận.

(Sớ) Phật Tạng Kinh vân.

(疏) 佛藏經云。

(Sớ: Kinh Phật Tạng dạy...)

Phật Tạng Kinh² là tên một bộ kinh, trong Đại Tạng Kinh có một bộ kinh như vậy.

(Sớ) “Vô giác vô quán, danh vi niệm Phật, vô tưởng vô ngữ, thị danh niệm Phật”, nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản bội u Phật?

(疏) 無覺無觀，名為念佛。無想無語，是名念佛。而起念念佛，豈不反背於佛？

(Sớ: “Vô giác vô quán thì gọi là niệm Phật; không suy tưởng, không nói năng, đó gọi là niệm Phật”. Vậy thì khởi lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là trái nghịch Phật u?)

Dựa theo kinh, tức Phật Tạng Kinh, để làm căn cứ lý luận thì theo ý nghĩa này, chúng ta chớ nên khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là chánh niệm. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là niệm Phật chân chánh. Vì sao trong kinh này (kinh A Di Đà), đức Phật lại dạy chúng ta khởi tâm động niệm niệm Phật? Chúng ta xem lời thuyết minh dưới đây sẽ biết.

(Sớ) Kim vi diệt chư giác quán, Thật Tướng Niệm Phật, Lý tắc thành nhiên.

(疏) 今謂滅諸覺觀，實相念佛，理則誠然。

(Sớ: Nay nói diệt các giác quán là Thật Tướng Niệm Phật, về Lý thì đúng là như vậy).

Đây là câu trả lời cho hai câu hỏi phía trên. Chiếu theo [những điều đã hỏi trong] phần trước để nói, xét theo lý luận chẳng sai một tí nào! Cảnh giới được nói trong phần trên là cảnh giới cao nhất trong pháp môn

² Phật Tạng Kinh còn có tên là Phụng Nhập Long Hoa Kinh, hoặc Tuyên Trạch Chư Pháp Kinh, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoằng Thi thứ bảy (405), gồm ba quyển, mười phẩm. Kinh này chủ yếu nói về luật nghi của Bồ Tát, nhưng khác với bộ luật khác ở chỗ đặc biệt nhấn mạnh: Nếu hành giả không thông đạt Thật Tướng của các pháp là vô sanh vô diệt v.v... dẫu có thọ trì hai trăm năm mươi giới cũng giống như phá giới, hành giả phải xa lìa các món hý luận, phân biệt, thì mới được gọi là trì giới.

Niệm Phật. Chúng ta thường nói niệm Phật gồm có bốn loại lớn, còn như chúng ta nay đang đề xướng Trì Danh Niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn, đó là Trì Danh Niệm Phật, là pháp được đề xướng phổ biến trong Tịnh Độ. Ngoài pháp này ra, còn có Quán Tượng Niệm Phật. Người có phước báo khá khá mới tu Quán Tượng Niệm Phật được! Vì sao? Quý vị rất rảnh rỗi, chẳng phải đi làm, suốt ngày từ sáng đến tối có người hầu hạ. Trong Phật Đường của chính mình bốn phía đều treo hình A Di Đà Phật, bất luận quý vị đi tới đâu, mắt đều thấy tượng Phật, khiến cho tượng Phật bầu bạn với quý vị, khiến cho ấn tượng về Phật in đậm trong A Lại Da Thức, đó gọi là Quán Tượng Niệm Phật. Nếu quý vị rời khỏi Phật Đường, chẳng thấy tượng Phật nữa, sẽ quên phứt. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chẳng thể rời khỏi Phật Đường, chẳng thể rời khỏi hình tượng Phật thì phải là người rất rảnh rỗi, phải rất có phước báo thì mới được, chẳng giống như Trì Danh Niệm Phật, vừa làm việc vừa có thể niệm Phật, chẳng bị trở ngại gì!

Phương pháp niệm Phật thứ ba còn rắc rối hơn loại này, đó là Quán Tượng Niệm Phật. Tuy có thể chẳng cần phải đối trước tượng Phật, nhưng quý vị phải quán thành tựu những phương pháp đã dạy trong Thập Lục Quán Kinh; nếu quán chẳng thành sẽ vô ích. Chẳng hạn như phép Quán thứ nhất là “*lạc nhật huyền cổ*” (mặt trời lặn giống như cái trống treo). Quý vị thấy mặt trời lặn xuống sau núi, lặn về phía Tây, khi mặt trời lặn xuống sau núi, đỏ rực, như thế nào mới là quán thành? Sau khi quý vị đã quán thành tựu, bất luận ở chỗ nào, khi mở mắt, mặt trời luôn ở trước mặt, khi nhắm mắt, mặt trời vẫn hiện diện, đó mới gọi là “quán thành”. Quý vị mở mắt mà trước mặt chẳng có mặt trời, tức là chưa quán thành. Cách này còn khó hơn quán tượng! Phép Quán thứ hai là “*đại hải kết băng*” (biển cả đóng băng), thấy băng trong suốt, tưởng là lưu ly. Sau khi quán thành, nếu quý vị ở trong giảng đường này, hiện thời chúng ta thấy nền lót bằng đá mài³, quý vị thấy đất này là đất lưu ly, phi thúy. Nếu quý vị thấy nền bằng đá mài giống như chúng tôi tức là quý vị chưa quán thành công phép Quán ấy, chẳng dễ đâu, rất khó! Vì thế, đối với Thập Lục Quán Kinh, chúng ta có thể nghiên cứu lý luận, chứ thật ra, những phương pháp trong

³ Nguyên văn “*ma thạch*” (đá mài, Terrazzo). Đây là một loại vật liệu xây cất, được chế bằng cách trộn các mảnh vụn cẩm thạch, thạch anh (quartz), đá hoa cương (granite), thủy tinh, hoặc các vụn đá thích hợp, kể cả những chất dẻo tổng hợp (polimer) với xi-măng, rồi đổ khuôn, chủ yếu để làm sàn nhà hoặc ốp vách tường. Khi chất liệu đã cứng, người ta bèn mài bóng.

ấy chúng ta chẳng thể làm được, tuyệt đối chẳng phải là kẻ tầm thường mà có thể thực hiện thành công!

Cách thứ tư là Thật Tướng Niệm Phật, là phương pháp được nói đến ở đây: Vô niệm mà niệm chính là Thật Tướng Niệm Phật. Là hết thấy các tướng thì gọi là Thật Tướng, “*trực tâm chánh niệm Chân Như*” chính là cảnh giới này. Khởi Tín Luận và Phật Tạng Kinh nói tới cảnh giới này, là [cảnh giới] Thật Tướng Niệm Phật cao nhất trong pháp môn Niệm Phật. Do vậy, xét theo lý luận thì chẳng sai, “*Lý tắc thành nhiên*” (về Lý, đúng là như vậy), nhưng hiện thời chúng ta chưa làm được, chúng ta chưa đạt cảnh giới cao như thế được!

(Sớ) *Đản dĩ tâm tuy ly niệm, nhi vô minh nhiễm tâm, niệm niệm tương tục.*

(疏) 但以心雖離念，而無明染心，念念相續。

(Sớ: *Nhưng vì tâm tuy là niệm, tâm lại bị như bởi vô minh, niệm niệm nối tiếp.*)

Đây là nói về cảnh giới của chúng ta trong hiện tại, tức cảnh giới phàm phu. Nói theo Lý thì [“*tâm thể ly niệm*”] không sai, về Sự thì chẳng được! Chúng ta bị vô minh ô nhiễm, ô nhiễm chính là tham, sân, si, mạn, là vô lượng vô biên phiền não. Chúng ta chưa thể đoạn tập khí phiền não, niệm niệm tiếp nối, vọng tưởng này tiếp nối vọng tưởng kia, ngày đêm chẳng gián đoạn, phiền quá! Tiếp theo đó, Ngài nêu ra một tỷ dụ.

(Sớ) *Như thất niên chi bệnh.*

(疏) 如七年之病。

(Sớ: *Như bệnh đã bảy năm.*)

Bệnh đã quá lâu, thân thể suy nhược, không dậy nổi.

(Sớ) *Cửu loạn chi dân.*

(疏) 久亂之民。

(Sớ: *Dân trong thời loạn lạc đã lâu.*)

Thời cuộc chẳng ổn định, đã trải qua thời chiến tranh loạn lạc quá lâu.

(Sớ) Cố viết “quán tập”.

(疏) 故曰慣習。

(Sớ: Nên nói là “đã quen thói”).

Vì thế, nay chúng ta khởi tâm động niệm suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, đã biến thành thói quen, biến thành tự nhiên, muốn đoạn cũng chẳng đoạn được!

(Sớ) Tư dục miễn cưỡng át nại, lập sử không tịch, nhi chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động.

(疏) 茲欲勉強遏捺，立使空寂，而止動歸止，止更彌動。

(Sớ: Nay muốn dôn ép đè nén cho tâm không tịch ngay lập tức, dứt động để trở về lặng lẽ thì càng dứt lại càng động).

Nói rõ phàm phu vọng niệm dấy lên, chìm xuống, chúng ta muốn ép cho nó khuất phục, sẽ chèn ép không được, càng chèn ép [vọng niệm] càng nhiều! Khi quý vị chẳng mong thanh tịnh, dường như vọng niệm còn ít, quý vị vừa nghĩ đến thanh tịnh thì vọng niệm đặc biệt nhiều! Nếu quý vị không tin, có thể thử xem. Nay quý vị ngồi ở đây nghe kinh, cảm thấy dường như chẳng có vọng niệm gì. Nếu bảo quý vị tịnh tọa, bảo quý vị ngồi xếp bằng ở đó, niệm Phật được mười phút, chẳng biết có bao nhiêu vọng niệm dấy lên! Bèn niệm Phật mong chèn ép nó, càng ép, càng nhiều! Thật ra, vọng niệm nhiều ngàn ấy do đâu mà có? Thừa với quý vị, nó vốn sẵn có. Lúc bình thường, quý vị không chú ý, chẳng nhận biết nó có nhiều dường ấy! Nay trong lúc tâm vừa mong tịch tĩnh, chợt phát hiện vọng niệm vốn nhiều ngàn ấy, tuyệt đối chẳng phải do ta muốn tĩnh lặng nên mới có vọng niệm. Xong rồi! Tĩnh tọa không được! Hễ tĩnh tọa vọng niệm luôn dấy lên; chẳng tĩnh tọa thì không có! Quý vị phải biết: Khi chẳng tĩnh tọa, vọng niệm vẫn thường như thế, nhưng quý vị không nhận biết. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết tĩnh tọa là tốt, vì sao? Khi tĩnh tọa, phát hiện [tâm có quá nhiều vọng niệm], đã phát hiện thì càng phải nên tĩnh tọa! Chỉ cần quý vị có thể tĩnh tọa niệm Phật cho khéo, những vọng niệm ấy sẽ dần dần giảm ít, công phu đắc lực! Nếu quý vị sợ hãi “hễ ta ngồi sẽ có vọng niệm; thôi! Ta chẳng ngồi nữa” thì những vọng niệm ấy vĩnh viễn chẳng đoạn. Vì thế, chớ nên sợ nó!

(Sớ) Túng thô niệm tạm tức, tế niệm do tôn, tiện vị tương ứng, thác mậu phi tiểu.

(疏) 縱粗念暫息，細念猶存，便謂相應，錯謬非小。

(Sớ: Dẫu thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn, liền nói là “đã tương ứng”, đấy là làm lẫn chẳng nhỏ).

Chúng ta phải đặc biệt chú ý mấy câu này. Vì sao? Hiện thời có nhiều người tâm ý thô tháp, đạt được một chút cảnh giới nhỏ nhặt liền ngỡ mình ghê gớm lắm, dường như chính mình đã thành tựu rồi, làm mất rồi! Nhất là trong xã hội hiện thời, con người thường mang tâm lý mưu mẹo, chộp giạt, phần nhiều mang lòng cầu may, hy vọng chẳng cần phải tốn công sức gì, chẳng phải khổ sở tu tập chi hết mà vẫn có thể tu hành chứng quả, luôn có cái tâm tham cầu tiện nghi. Quý vị hãy nghĩ xem: Tu hành chứng quả há có thể tham cầu tiện nghi ư? Mang cái tâm ấy tức là không thật thà, chẳng phải là hảo tâm, làm sao có thể thành Phật cho được? Làm sao có thể thành chánh quả? Chúng ta phải giác ngộ điều này! Học Phật nhất định phải dùng cái tâm chân thành, đừng lừa gạt chính mình, đừng dối gạt kẻ khác, phải chân, phải thành, quyết định chớ nên có tâm lý cầu may!

Ở ngoại quốc, tôi thấy có nhiều kẻ học Thiên, học Mật luôn coi rẻ hết thầy, khinh thường người khác. Nghiễm nhiên còn có Thượng Sư xoa đầu thọ ký cho họ, nói họ đã minh tâm kiến tánh, đã đại triệt đại ngộ rồi. Tôi sang bên đó giảng kinh, những người ấy cũng đến nghe, nghe xong, cũng có người hiu hiu tự đắc tiến lên hỏi tôi, gần như là mong tôi ấn chứng cho họ có phải là bậc đại triệt đại ngộ hay không. Họ hỏi tôi, tôi bèn bảo họ: “Các ông chưa ngộ!” Bọn họ rất tức giận: “Tôi đã được thọ ký, tôi đã đại triệt đại ngộ, cứ sao thầy nói tôi chưa ngộ?” Quý vị hãy nghĩ xem, bọn họ đã ngộ hay chưa? Nếu họ đã ngộ, cứ sao còn nổi giận đùng đùng? Hễ nổi nóng, đương nhiên chưa khai ngộ! Đó là sự thật, ngay lập tức bọn họ lộ nguyên hình. Tôi bảo họ: “Nếu các ông thật sự đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng đến hỏi tôi câu này. Các ông hỏi tôi câu ấy, tôi trả lời: Tôi còn chưa khai ngộ, làm sao các ông có thể khai ngộ? Người khai ngộ tâm bình khí hòa, lẽ đâu nổi quạu? Lẽ đâu trừng mắt? Do các ông bực bội, trừng mắt, chứng tỏ các ông hoàn toàn chưa khai ngộ. Nói cách khác, kẻ thọ ký đã lừa gạt các ông. Đó là bõn cọt, giống như lũ con nít trong nhà trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten), hẳn ta đội cho các ông cái mũ Tiên Sĩ, hôm nay các ông đạt được học vị Tiên Sĩ, giả trá! Xã hội chẳng công nhận!”

Khi chúng ta niệm Phật đạt đến mức khinh an, thân tâm sung sướng, phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, có đúng là thành tựu hay chăng? Chưa phải! “*Thô niệm tạm dứt, tế niệm do tồn*” (thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn), vẫn còn tế niệm, vẫn chưa đoạn! Nhưng nói thật ra, hai câu này chẳng phải là nói với chúng ta, về phía chúng ta thì ngay cả tạm dứt thô niệm cũng chưa dứt được! Lời này để nói với bậc A La Hán, nói với người tham Thiên đã đắc Cửu Thứ Đệ Định, chẳng phải để nói với những kẻ tầm thường; người tầm thường không có tư cách ấy. Người tầm thường nếu chứng Tứ Thiên Bát Định bèn có thể tạm thời chế ngự thô niệm, chẳng phải là dứt. Dứt là đã đoạn hết. [Chế ngự thô niệm giống như] đá đè cỏ mà thôi! Bỏ đá đi, cỏ lại mọc dài ra. Đó là nói về Tứ Thiên Bát Định, còn ở đây là nói về A La Hán, cũng là như trong kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nội thủ u nhân, do vi Pháp Trần phân biệt ảnh sự*” (giữ lấy sự u nhân trong nội tâm, vẫn là chuyện thuộc về bóng dáng của Pháp Trần)⁴. Thích Ca Mâu Ni Phật đã phê bình bậc Tiểu Thừa A La Hán như vậy. Đủ thấy bậc Tiểu Thừa đắc A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, đã có năng lực vượt thoát tam giới, chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa, họ thuộc về cảnh giới nào? Chính là cảnh giới này! Tế niệm vẫn còn. Tuy tế niệm vẫn còn, nhưng chính họ không biết. Nếu họ biết thì sẽ đoạn được!

Do vậy, điều thứ nhất là người tu hành chúng ta phải tự biết mình, phải nhận thức chính mình, vì sao? Biết chính mình có bệnh thì tự mình mới biết tìm thầy thuốc chữa trị. Cái thân mình có bệnh nhưng chính mình chẳng biết còn tự khoe là rất khỏe mạnh, chẳng tìm thầy thuốc, chẳng đi khám bệnh, không có tâm cảnh giác. Vì thế, trước hết phải nhận biết căn bệnh của chính mình, nhận thức tình trạng bệnh tật của chính mình, quý

⁴ Để dễ hiểu ý của câu này, xin mạn phép trích một đoạn trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch Sớ của pháp sư Giao Quang như sau: “*Túng diệt nhất thiết kiến văn giác tri, nội thủ u nhân, do vi pháp trần phân biệt ảnh sự* (Dứt diệt hết thấy thấy, nghe, hay biết, giữ lấy sự u nhân bên trong, vẫn là chuyện thuộc về bóng dáng phân biệt Pháp Trần). ‘Kiến văn giác tri’ là nói về năm thức trước và ý thức. Dùng bốn chữ này (kiến văn giác tri) để bao gồm cả sáu thức ấy, gộp ngữ và ném thành một chữ Giác. ‘Diệt’ là dứt trừ sự nhận biết các ngoại duyên của các thức, khiến cho chúng bất động. ‘U nhân’ là cảnh vắng lặng trong nội tâm [khi đã dứt sự phân biệt ngoại duyên]. Cảnh này chính là cảnh bị giữ lấy bởi phàm phu, ngoại đạo, Quyền Giáo, Tiểu Thừa trong khi nhập Định, mà cũng là cái họ chấp lấy, coi đó là Pháp Tánh cần phải chứng. ‘Pháp trần’ là tên gọi của cảnh này. ‘Phân biệt’ là cái tâm giữ lấy cảnh này. Chữ ‘ảnh sự’ chỉ tâm và cảnh ấy, chứ không phải là bóng dáng do ánh sáng chiếu rọi vật, trọn chẳng có thật. Phàm phu, ngoại đạo, Quyền Giáo, Tiểu Thừa chấp sự u nhân là Pháp Tánh sâu xa, chẳng biết nó vẫn là Pháp Trần được duyên bởi vọng thức”.

vị mới biết dùng phương pháp nào để đối trị và tự cứu chính mình như thế nào. A La Hán đạt đến cảnh giới này, chẳng biết mình vẫn còn có những Hoặc (phiền não) vi tế; do vậy, họ chẳng có tâm tiến lên, đạt đến chỗ này bèn ngưng dứt, tự cho là công đức đã viên mãn. Đó là chứng Thiên Chân Niết Bàn, người ấy ngỡ là đã chứng Đại Niết Bàn, chẳng còn cầu tiến bộ nữa. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đặc biệt nói ra cảnh giới của họ: Cảnh giới của quý vị chưa phải là cảnh giới rốt ráo, công phu của quý vị chỉ thành tựu một nửa, hãy còn một nửa khác mà quý vị hoàn toàn chẳng liễu giải. Nếu quý vị nghĩ là tương ứng thì lầm mất rồi, lầm lẫn rất lớn, chẳng nhỏ đâu!

Nay chúng ta là người tu hành, có thể nói căn bệnh lớn nhất là chẳng nhận biết chính mình, cả thân đầy bệnh mà tự mình chẳng biết, cả thân đầy lỗi mà chẳng tự thừa nhận. Vì thế, cổ đức thường nói: *“Thánh nhân cả thân đầy bệnh, nên gọi là thánh nhân; hiền nhân mắc bệnh đôi chút, phạm phu về căn bản là chẳng có bệnh gì!”* Vì sao về căn bản chẳng có bệnh gì? Chẳng biết! Chẳng hiểu chính mình có bệnh. Hiền nhân phát hiện chính mình bị bệnh một phần, thánh nhân hoàn toàn biết rõ căn bệnh, biết lỗi liền sửa. Chẳng biết lỗi thì sửa cái gì đây? Nếu quý vị bảo người khác: *“Ông có lỗi làm này nọ”*, người ấy chẳng thừa nhận, quý vị biết kẻ đó là người bình thường, chẳng phải là thánh nhân, chẳng phải là Bồ Tát. Nếu người ấy là thánh nhân, hay là Bồ Tát, sẽ biết cả thân đầy bệnh! Con người quý ở chỗ biết lỗi, biết lỗi có thể sửa đổi. Kẻ chẳng biết chính mình có bệnh, không được rồi, hết thuốc chữa! Phật chẳng có cách nào cứu kẻ ấy. Kẻ tự biết lỗi của chính mình thì Phật có thể cứu hẳn được!

(Sớ) Ký cư phạm địa.

(疏) 既居凡地。

(Sớ: Đã thuộc địa vị phạm phu).

Ở đây nói đến chúng ta trong hiện thời, chúng ta hiện đang là phạm phu.

(Sớ) Vị năng tuyệt lự vong duyên.

(疏) 未能絕慮忘緣。

(Sớ: Chưa thể dứt lo nghĩ, quên duyên).

“*Lự*” (慮) là ý niệm. Trong tâm chúng ta, một niệm này khởi lên, niệm kia diệt mất. “*Duyên*” (緣) là cảnh giới bên ngoài, là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Bên ngoài có ngoại duyên đến quấy nhiễu quý vị, bên trong tâm động chẳng ngừng, vọng niệm sanh diệt không ngừng. Đó là căn bệnh của chúng ta do Phật, Bồ Tát đã chỉ ra.

(Sớ) *Hà bất tức duyên lự nhi tác tu tấn.*

(疏) 何不即緣慮而作修進。

(Sớ: Sao chẳng dùng ngay duyên lự để tấn tu?)

Dạy chúng ta một phương pháp đối trị: Dùng duyên lự để tấn tu. Quý vị thấy “*lự*” ấy chẳng phải là vọng niệm toi bời hay sao? Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật thì “*lự*” ấy chỉ là một lự, tức là A Di Đà Phật. Duyên thì trong đạo tràng này của chúng ta, đồng tham đạo hữu ở cùng một chỗ đó là duyên lự. Chúng ta dùng duyên lự này sẽ có thể tấn tu, đây là biện pháp “theo đường trở về nhà”.

(Sớ) *Cố dĩ niệm hoàn công u niệm.*

(疏) 故以念還攻於念。

(Sớ: Vì thế, lấy niệm để trị ngược các vọng niệm).

“*Dĩ niệm*” là dùng một niệm A Di Đà Phật để “*công u niệm*” tức là dùng niệm này để tấn công hết thấy vọng niệm, dùng một niệm này để dẹp sạch tất cả vọng niệm. Trì danh niệm Phật được kiến lập trên căn cứ lý luận như thế đó.

(Sớ) *Niệm nhất Phật danh, hoán bỉ bách thiên vạn ức chi tạp niệm dã.*

(疏) 念一佛名，換彼百千萬億之雜念也。

(Sớ: Niệm một danh hiệu Phật để thay thế trăm ngàn vạn ức tạp niệm).

Câu này là nói toạc ra cho chúng ta [nhận biết] vì sao chúng ta phải niệm Phật? Vẫn có những kẻ tự cậy thông minh, coi thường pháp môn Niệm Phật, nói pháp môn Niệm Phật này cứ niệm Phật có ích gì đâu? Nếu quý vị cung kính A Di Đà Phật, mà hằng ngày kêu réo Ngài, Ngài chẳng

phiền lòng ư! Quý vị yêu mến Ngài cách nào đi nữa, Ngài cũng chán ngán! Ví như đứa con gọi bố, suốt ngày từ sáng đến tối nó cứ không ngớt: “Bố ơi! Bố ơi!” Bố nó có chán ghét nó hay chẳng? Kẻ ấy nói: “Quý vị cứ nhất định phải niệm Phật, Phật cũng chán ghét quý vị”. Chúng ta thoát nghe [lời biện luận ấy] cũng cảm thấy rất có lý, cho nên chẳng niệm. Thật ra, kẻ ấy chẳng biết: **Niệm Phật nhằm đoạn vọng niệm của chính mình.** Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta không niệm Phật, có vọng niệm hay không? Có! Có vọng niệm là không được rồi! Vọng niệm là căn bản của sanh tử trong lục đạo, chúng ta dùng câu Phật hiệu này giống như dùng thuốc nhằm chấm dứt vọng niệm, khác với người thường gọi cha. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Thường có những kẻ học Phật tự nghĩ mình cao minh, nhưng trên thực tế chẳng hề liễu giải, chính họ cũng suốt ngày từ sáng đến tối dấy vọng tưởng, mà chẳng có cách nào chế ngự, ngăn dứt! Nay chúng ta có được phương pháp này, những kẻ ấy còn huyễn báng, còn phê bình, tức là mắc vô lượng vô biên tội nghiệp! Vì thế, người thật sự niệm Phật, người ta nói gì cũng đều chẳng cần nghe, vì sao? Hễ quý vị nghe, chẳng phải là tăng trưởng vọng niệm hay chẳng? Vấn đề gì cũng chẳng cần phải đi khắp nơi hỏi người khác. Hỏi người khác, nếu thật sự gặp được bậc cao minh, vị ấy có thể giải đáp vấn đề; lỡ gặp phải kẻ dở dở ương ương, đâm ra họ càng khiến cho quý vị gặp rối ren thêm! Quý vị chẳng hỏi thì còn đỡ, càng hỏi càng rối beng, hỏi đến cuối cùng ngay cả Phật cũng chẳng còn tin nữa!

(Sớ) Nhi vọng từ chân khởi, ba trục thủy sanh, tức niệm tức không, cư nhiên bản thể.

(疏) 而妄從真起，波逐水生，即念即空，居然本體。

(Sớ: Nhưng vọng từ chân khởi, sóng từ nước sanh, niệm chính là không, không chính là niệm, bản thể rành rành).

“**Vọng từ chân khởi**”: Vọng ở đây là nói niệm Phật. Niệm Phật cũng là vọng niệm. Tuy niệm Phật là vọng niệm, nhưng vọng niệm ấy nếu lìa khỏi chân tánh thì còn có vọng niệm ấy hay chẳng? Vì thế, vọng niệm sanh khởi từ chân tánh, giống như sóng, sóng do nước sanh ra. Lìa khỏi nước, đâu còn sóng mòi! Coi nước là chân, coi sóng là vọng, hoàn toàn là nói theo Lý. “**Tức niệm tức không, cư nhiên bản thể**”: Chữ “**tức niệm tức không**” có hai ý nghĩa, chính là nói “**chân - vọng bất nhị**”.

1) Ý nghĩa thứ nhất là “**niệm cực nhi không**”, tức là quý vị niệm đến mức công phu thuần thực, vọng niệm chẳng còn nữa. Vọng niệm chẳng còn, câu Phật hiệu này cũng chẳng còn, kinh gọi cảnh giới này là

nhất tâm bất loạn. Đó chính là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Vì thế, phương pháp Niệm Phật này có thể niệm đến mức đắc Định giống như Thiên Tông, niệm đến mức đắc Định là Sự nhất tâm bất loạn, thành tựu Niệm Phật tam-muội. Cao hơn nữa là có thể phá vô minh, có thể chứng Pháp Thân, có thể thấy bốn tánh, kinh gọi đó là Lý nhất tâm bất loạn. Dùng phương pháp này để niệm đến mức “*niệm cực nhi không*”.

2) Ý nghĩa thứ hai là quán sát từ bản thể, “*niệm thể bốn không*” (bản thể của niệm vốn là Không). Trong chân tánh vốn chẳng có một vật nào; nếu quý vị có thể hiểu rõ đạo lý này, sẽ suốt ngày niệm Phật mà suốt ngày vô niệm. Sự niệm Phật ấy chẳng chấp tướng. Tuy chẳng chấp tướng, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Phương pháp niệm như vậy cao minh, lại còn thụ dụng lớn nhất, tương ứng với Bát Nhã, tam luân thể không, “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Phật hiệu có đoạn hay chẳng? Quyết định chẳng đoạn! Trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng dứt. Bởi lẽ, người ấy hiểu niệm và vô niệm chẳng có chướng ngại, trên mặt Lý thì vô niệm, trên mặt Sự là có niệm. Lý chẳng trở ngại Sự, Sự chẳng trở ngại Lý, Lý Sự vô ngại. Cách niệm này rất cao minh, thụ dụng vô cùng, rất dễ đạt đến thân tâm thanh tịnh, đắc nhất tâm bất loạn; lại còn có thể vận dụng lý luận và sự thụ dụng ấy vào cuộc sống thường ngày. Chúng ta từ sáng đến tối ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật, đều có thể là niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Kinh Hoa Nghiêm bảo đó là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Cuộc sống hiện tại đã thuộc vào cảnh giới giải thoát, đắc đại tự tại, đó là nói ở mức độ cao. Vì thế, pháp môn này tuyệt đối chẳng đơn giản!

Cũng chính vì như vậy, người niệm Phật chúng ta chẳng thể không thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận A Di Đà Kinh Sớ Sao và Yếu Giải, vì sao? Nếu quý vị không thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận, sẽ chẳng hiểu nhiều đạo lý vi diệu trong ấy, chẳng biết thật sự thụ dụng. Nếu quý vị chẳng hiểu lý luận, phương pháp, cảnh giới này, niệm một câu A Di Đà Phật lâu ngày sẽ niệm uể oải, sẽ niệm đến mức chán ngán, niệm đến cuối cùng chẳng thích niệm nữa: “Ta niệm đã bao nhiêu năm, chỗ tốt đẹp gì cũng chẳng có! Cảm ứng gì cũng chẳng có”. Xong luôn! Kẻ ấy chẳng niệm nữa. Nguyên nhân là do không hiểu lý luận, không hiểu phương pháp, chẳng biết cảnh giới, cổ nhân bảo là “tu mù, luyện đui”. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, niệm Phật hiệu câu nào cũng đều sanh tâm hoan hỷ, câu nào cũng phấn chấn tinh thần, khi mệt nhọc, niệm mấy tiếng A Di Đà Phật, tinh thần lại khá hơn. Niệm mấy câu A Di Đà Phật mà chẳng thể phấn chấn tinh thần, tức là quý vị niệm chẳng đúng pháp!

Năm ngoái, tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), gặp một người từ Trung Quốc Đại Lục sang Mỹ, nói đã học võ thuật tại chùa Thiếu Lâm, công phu khá cao. Ông ta nghe tôi giảng kinh, nói với các đồng tu ở phía dưới: “Vị pháp sư này công phu cao, công phu thuộc mức độ cao”. Người ta nói: “Nhìn từ chỗ nào?” “Nhìn vào tinh thần, nhìn vào khí sắc, là một cao thủ cao lắm”. Người khác đến hỏi tôi: “Bạch pháp sư, thầy có luyện võ công hay chẳng?” Tôi đáp: “Không có!” “Ông ta nói công phu của thầy thuộc mức độ cao!” Đến cuối cùng, ông ta đến nói chuyện với tôi, nói đến lúc hỏi [tại sao thầy không luyện võ mà công phu] cao như vậy? [Tôi trả lời] tôi niệm A Di Đà Phật. Ông ta phải tu bao nhiêu năm mới có thể đạt đến cảnh giới như thế, tôi chỉ niệm A Di Đà Phật mà cũng chẳng thua kém ông ta, quả thật là như thế. Vì thế, một câu A Di Đà Phật là chất dinh dưỡng tốt nhất. Thật sự biết niệm, trường sanh bất lão! So với bất cứ đồ bổ nào trong hiện thời đều hữu hiệu hơn, linh hơn bất cứ linh dược tiên đan nào! Quý vị chẳng biết niệm, có cách nào hay chẳng? Biết niệm, sẽ có thể đạt được thụ dụng như vậy. Vì thế, nhất định phải nghiêm túc nghiên cứu, thảo luận bộ kinh này.

(Sớ) Phi u niệm ngoại biệt đắc Bồ Đề, cố vân: “Vạn pháp hư ngụy, duy thị nhất tâm, liễu ngộ tự tâm, xúc mục Bồ Đề hỷ”.

(疏)非於念外別得菩提。故云萬法虛偽，唯是一心，了悟自心，觸目菩提矣。

(Sớ: Chẳng phải là đắc Bồ Đề ở ngoài niệm, cho nên nói: “Muôn pháp hư dối, chỉ là nhất tâm. Liễu ngộ tự tâm thì những gì chạm vào mắt đều là Bồ Đề”).

Đây là thật sự nhập cảnh giới, thật sự chỗ nào cũng là đạo, pháp nào cũng đều thật. Bài thơ du ngoạn Lô Sơn của Tô Đông Pha có câu: “*Khé thanh tận thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân*” (Tiếng suối là tiếng trống lười rộng dài, sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh). Đây là nói vận dụng phương pháp Niệm Phật hồng chứng đắc Pháp Thân.

(Sớ) Dụ như bệnh thể sưu thời.

(疏)喻如病體瘳時。

(Sớ: Ví như khi cái thân bệnh tật đã lành).

Bệnh ấy đã khỏi.

(Sớ) Tiện danh kiện thể.

(疏) 便名健體。

(Sớ: Bèn gọi là thân thể khỏe mạnh).

Người đã khôi phục sức khỏe.

(Sớ) Loạn dân định hậu, tức thị lương dân.

(疏) 亂民定後，即是良民。

(Sớ: Dân làm loạn sau khi đã dẹp yên bèn là dân lành).

Cái thân bị bệnh và cái thân đã lành mạnh là cùng một thân, chẳng phải là hai thân thể. Vọng niệm và chánh niệm cũng là một tâm, chẳng phải hai tâm.

(Sớ) Khử niệm nhi cầu tâm, thị y tất diệt thân nhi liệu bệnh, tương tất đồ quốc nhi an dân dã, khởi lý dã tai?

(疏) 去念而求心，是醫必滅身而療病，將必屠國而安民也，豈理也哉。

(Sớ: Trừ khử niệm để cầu tâm là như thầy thuốc ắt phải diệt cái thân để chữa bệnh, như ông tướng phải tàn sát cả nước để an dân, há có lẽ ấy chăng?)

Đây là chứng minh, nếu dùng sai cái tâm, dùng sai phương pháp, làm lẫn quá đổi! Nếu quý vị nói: Nếu tôi trị bệnh, muốn chữa cho lành bệnh, làm thế nào mới trị lành bệnh được? Hủy diệt thân thể này, bệnh sẽ chẳng còn nữa! Quý vị hãy nghĩ xem: Phương pháp ấy có tốt đẹp hay chẳng? Làm thế nào để bình định dân làm loạn và ổn định cõi đời loạn lạc? Giết sạch hết mọi người! Đó là cách suy nghĩ sai lầm, cách làm sai quấy. Vì thế, Phật, Bồ Tát, bậc quân tử có lòng nhân, thấy kẻ ác bèn khởi tâm niệm gì? Làm thế nào để cảm hóa hắn, khiến hắn trở thành một người tốt, quyết chẳng thấy kẻ ác bèn không màng tới, đuổi hắn đi, hoặc giết chết hắn, đó chẳng phải là biện pháp đúng. Phật pháp nói tam thể nhân quả báo ứng, đời này quý vị giết kẻ khác, đời sau kẻ ấy giết quý vị, oán cừ càng kết càng sâu, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng xong! Vì thế,

nhất định phải dùng [biện pháp] cảm hóa, quyết định chẳng thể dùng bạo lực. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này.